

Số: 2316/QĐ-SNN

Hà Nội, ngày 20 tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2024
của Văn phòng Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội

GIÁM ĐỐC SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT HÀ NỘI

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017;

Căn cứ Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND ngày 08/12/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa các cấp ngân sách, định mức phân bổ ngân sách cấp thành phố Hà Nội và tỷ lệ phần trăm phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách giai đoạn 2023-2025; Nghị quyết số 40/NQ-HĐN ngày 08/12/2023 về dự toán ngân sách địa phương và phân bổ dự toán ngân sách cấp thành phố Hà Nội năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 28/2016/QĐ-UBND ngày 01/8/2016 của UBND thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội; Quyết định số 12/2022/QĐ-UBND ngày 16/3/2022 của UBND thành phố Hà Nội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 28/2016/QĐ-UBND ngày 01/8/2016 của UBND thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 6336/QĐ-UBND ngày 12/12/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch phát triển kinh - tế xã hội và dự toán thu, chi ngân sách năm 2024 của thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 2299/QĐ-SNN ngày 19/12/2023 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội về việc công bố công khai và phân bổ dự toán ngân sách năm 2024 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai dự toán ngân sách năm 2024 của Văn phòng Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội (có phụ lục kèm theo).

Điều 2. Chánh Văn phòng Sở; Trưởng các phòng: Kế hoạch - Tài chính, Tổ chức cán bộ, Quản lý xây dựng công trình, Kỹ thuật và chính sách nông nghiệp và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Đ/c GD Sở; (để báo cáo)
- Các đ/c PGD Sở;
- Lưu: VT, KT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Tạ Văn Tường

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Tạ Văn Tường

X. H.
S
NG
PH
NÔNG
TH

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024**của Văn phòng Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội***(Kèm theo Quyết định số: 2316/QĐ-SNN ngày 20/12/2023 của Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội)**Đơn vị: đồng*

STT	Nội dung	Số tiền
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
1	Số thu phí	400.000.000
	Phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng (phí thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, đầu tư xây dựng hoặc thẩm định báo cáo kinh tế kỹ thuật), phí thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở; phí thẩm định dự toán xây dựng	400.000.000
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	360.000.000
	Phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng (phí thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, đầu tư xây dựng hoặc thẩm định báo cáo kinh tế kỹ thuật), phí thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở; phí thẩm định dự toán xây dựng	360.000.000
	<i>Trong đó: Dành nguồn để tích lũy thực hiện cải cách tiền lương</i>	<i>144.000.000</i>
3	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	40.000.000
	Phí thẩm định báo cáo kinh tế kỹ thuật, thẩm định thiết kế bản vẽ thi công, thẩm định dự án, thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi	40.000.000
B	Chi ngân sách	56.878.000.000
I	Chi quản lý hành chính	15.432.000.000
1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	15.432.000.000
<i>a</i>	<i>Tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương (BHXH, BHYT,...)</i>	<i>8.088.000.000</i>
<i>b</i>	<i>Chi khác ngoài lương</i>	<i>7.344.000.000</i>
	<i>Chi đảm bảo hoạt động thường xuyên theo định mức phân bổ của công chức</i>	<i>5.316.000.000</i>
	<i>Chi đảm bảo hoạt động thường xuyên theo định mức phân bổ của hợp đồng lao động làm công việc thừa hành, phục vụ được cấp có thẩm quyền giao, phê duyệt</i>	<i>1.425.000.000</i>
	<i>Chi sử dụng phương tiện phục vụ công tác chung</i>	<i>603.000.000</i>
2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	10.777.000.000
<i>a</i>	<i>Kinh phí ngân sách Thành phố bổ sung để thực hiện cải cách tiền lương</i>	<i>1.539.000.000</i>
<i>b</i>	<i>Chi nghiệp vụ</i>	<i>7.808.000.000</i>
	Kinh phí hoạt động của Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn Thành phố (chi bồi dưỡng trực; dịch vụ công cộng; văn phòng phẩm; thông tin liên lạc; chi sửa chữa TSCĐ; vật tư, chi khác)	2.000.000.000
	Kinh phí duy trì hệ thống thông tin ngành nông nghiệp	1.000.000.000
	Kinh phí tập huấn bồi dưỡng kiến thức an toàn lao động, vệ sinh lao động trong sản xuất nông nghiệp	437.000.000
	Tuyển dụng viên chức làm việc tại các đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội	700.000.000
	Kinh phí tổ chức kỷ niệm 70 năm ngày thành lập Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2.347.000.000
	Kinh phí thẩm định hồ sơ công nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn Thành phố	115.000.000
	Kinh phí thi tuyển chức danh lãnh đạo, quản lý Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội	600.000.000
	Tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật theo Kế hoạch của UBND Thành phố	200.000.000
	Kinh phí phục vụ công tác kiểm tra, giám sát, tuyên truyền việc thực hiện cơ chế, chính sách phát triển nông nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội	409.000.000

STT	Nội dung	Số tiền
c	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản công	1.430.000.000
	Bàn ghế phòng họp (01 bộ bàn quây, ghế chủ tọa 01 chiếc, ghế họp 70 chiếc)	518.000.000
	Hệ thống micro phục vụ họp và hội thảo (đồng bộ, bao gồm các phụ kiện, công và các chi phí khác)	762.000.000
	Hệ thống âm thanh phục vụ họp và hội thảo (đồng bộ, bao gồm các phụ kiện, công và các chi phí khác)	52.000.000
	Bảo dưỡng hệ thống PCCC	48.000.000
	Sửa chữa xe ô tô (01 cái)	50.000.000
II	Chi sự nghiệp kinh tế	36.164.000.000
1	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	36.164.000.000
a	Chi nghiệp vụ	36.164.000.000
	Cung ứng tinh dịch lợn phục vụ công tác thụ tinh nhân tạo lợn trên địa bàn thành phố Hà Nội	18.983.000.000
	Kinh phí thực hiện Kế hoạch phát triển bò cái nền trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2022-2025	7.851.000.000
	Hỗ trợ sản xuất, cung ứng, lưu giữ giống gốc giống Gà Mía 01 ngày tuổi trên địa bàn thành phố Hà Nội	9.030.000.000
	Kinh phí thực hiện Dự án “Tăng cường chuỗi giá trị cây trồng an toàn tại các tỉnh phía Bắc Việt Nam”	300.000.000
b	Kinh phí hoạt động Khuyến nông thành phố Hà Nội	400.000.000
c	Kinh phí hợp tác với các tỉnh, thành	2.000.000.000
IV	Nghiên cứu khoa học	5.282.000.000
1	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	5.282.000.000
	Xây dựng cơ sở dữ liệu theo dõi và đánh giá thực hiện các chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp thành phố Hà Nội	5.282.000.000